

Số: 1989/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 607/TTr-STNMT ngày 31/05/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Du lịch, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Xây dựng; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (25b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH**Thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên,
bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ; xác định các mục tiêu, tầm nhìn, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và lộ trình phù hợp để các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện;

- Làm tốt công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, phát huy khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển để khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường;

- Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo phải gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy

trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển nhằm đưa Bình Định trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển;

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, góp phần thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hướng tới mục tiêu đưa Bình Định trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; (4) Công nghiệp và đô thị ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển;

- Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, các vấn đề về ô nhiễm xuyên biên giới, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, ở các đô thị ven biển, 95% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; 90% chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Khu kinh tế Nhơn Hội, 100% khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tải môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển, đảo. Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo, thành lập nhằm góp phần tăng diện tích các khu bảo tồn biển, khu vực biển, ven biển được bảo tồn trong tổng diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia, bao gồm các khu bảo tồn biển và ven biển; khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, nơi cư trú của các loài thủy sản, đường di cư của các loài thủy sản...; bảo vệ và

phát triển rừng ngập mặn giai đoạn 2021 - 2025 (khoán bảo vệ 258,25 lượt ha; chăm sóc rừng trồng 18,8 lượt ha; trồng 7.300 cây phân tán xung quanh ao hồ nuôi thủy sản và vùng bãi triều ven đầm các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn);

- Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường;

- Công tác thu thập, tổng hợp thông tin tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển. Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Thiết lập hệ thống thông tin tổng hợp về tài nguyên, môi trường biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa Bình Định trở thành địa phương biển mạnh trên nền tảng tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển và các hải đảo trong lành, xã hội hài hòa với thiên nhiên.

III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

Tài nguyên biển và hải đảo tại Bình Định bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và đảo thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

a) Sử dụng không gian biển theo Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được phê duyệt

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chồng chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển;

- Triển khai công tác bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển du lịch sinh thái, du lịch địa chất thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng; du lịch văn hóa; du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm, về khách quốc tế từ 8 - 10% /năm và khách nội địa từ 5 - 6%/năm, về tốc độ tăng trưởng bình quân khách hàng năm đạt 6,1%/năm;

+ Phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm, có tính đến bối cảnh biến động trong khu vực và quốc tế. Các bến cảng khách quốc tế gắn với các địa phương phát triển du lịch; các bến cảng quy mô lớn phục vụ Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp; bến cảng tại xã đảo Nhơn Châu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh và chủ quyền biển đảo; cảng chuyên dùng Khu liên hợp Gang thép Long Sơn, Hoài Nhơn. Đảm bảo tổng lượng hàng hóa thông qua các cảng biển đạt 20 triệu tấn/năm;

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản xa bờ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản nhằm mục tiêu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,0 - 4,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong tỉnh đạt 213.000 tấn/năm; trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản (nước lợ và nước mặn) 23.000 tấn/năm, sản lượng khai thác thủy sản 190.000 tấn/năm;

+ Phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp ven biển và các đảo với các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ nền tảng, công nghệ nguồn. Phấn đấu số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 20%/năm;

+ Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường;

+ Xác định các khu vực có thể lấn biển, đảo nhân tạo để phát triển kinh tế - xã hội. Xác định khu vực nhận chìm ở biển trong trường hợp các vật liệu nạo vét không đổ được trên bờ phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được phê duyệt;

+ Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, bảo đảm đủ công suất cho tàu cá thực hiện cập cảng, neo đậu.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp, đến năm 2030 cơ bản khắc phục được các mâu thuẫn, chòng chéo trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Áp dụng các công cụ

thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

e) Thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế đảo kết hợp với bảo vệ quốc phòng, an ninh, nhất là xã đảo Nhơn Châu thông qua các giải pháp ưu đãi về chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

2. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Thực hiện định kỳ công tác điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển.

c) Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường để triển khai Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên vùng biển tỉnh; chấm dứt việc thải bỏ ngư cụ trực tiếp xuống biển; 100% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

d) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

đ) Kiến toàn tổ chức và xây dựng các công cụ, phương tiện, chế tài nhằm tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

3. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo

a) Bảo vệ và quản lý chặt chẽ các vùng biển có tính đa dạng sinh học cao; điều tra, khảo sát, đánh giá, đề xuất thành lập các khu bảo tồn, khu bảo vệ trên các vùng biển, ven biển và hải đảo; tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học; phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển bị suy thoái. Đến năm 2030, thành lập nhằm góp phần tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong tổng diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia, 80% các khu vực biển có đa dạng sinh học cao, dịch vụ hệ sinh thái quan trọng được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả. Bảo vệ và

phát triển rừng ngập mặn giai đoạn 2021 - 2025 (khoản bảo vệ 258,25 lượt ha; chăm sóc rừng trồng 18,8 lượt ha; trồng 7.300 cây phân tán xung quanh ao hồ nuôi thủy sản và vùng bãi triều ven đầm các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn)

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản. Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

4. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, hệ thống truyền tin cảnh báo sớm rủi ro trên biển và vùng ven biển để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng của tỉnh.

b) Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

c) Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

d) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

đ) Rà soát và đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

5. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

a) Các dự án điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được ưu tiên thực hiện theo thứ tự sau đây:

- Các dự án phục vụ cho các hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi từ biển; bảo tồn các di sản văn hóa biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Các dự án điều tra có tính chu kỳ đối với các loại tài nguyên, môi trường có sự biến động mạnh như tài nguyên sinh vật, nguồn lợi hải sản, quan trắc môi trường, hải văn.

b) Tiếp tục phối hợp với Bộ ngành Trung ương thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản thuộc Chương trình trọng điểm về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, các chương trình điều tra cơ bản thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đẩy mạnh điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, xác định khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển đảo, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

d) Xây dựng và số hoá hồ sơ tài nguyên hải đảo nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên hải đảo của tỉnh.

6. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên, các công nghệ chế biến sâu làm tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm khai thác, các công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển mới.

b) Xác định và củng cố cơ sở khoa học, thực tiễn; phối hợp với các cơ quan, đơn vị Trung ương nghiên cứu đề xuất các giải pháp, ứng dụng công nghệ đột phá trong điều tra, đánh giá tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên tái tạo; các công nghệ quan trắc, điều tra ngầm dưới nước, trên không, không người lái.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị Trung ương xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chức năng, phân vùng chức năng các khu vực biển.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị Trung ương xây dựng và phát triển công cụ, thiết bị, hệ thống hỗ trợ ra quyết định kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển theo hướng tích hợp.

đ) Thúc đẩy, củng cố hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, kiểm soát các nguồn ô nhiễm xuyên biên giới, ứng phó sự cố tràn dầu, tràn hoá chất và các sự cố môi trường khác trên các vùng biển của tỉnh.

e) Đẩy mạnh việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế song phương, đa phương về lĩnh vực biển, hải đảo.

IV. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh để khai thác toàn diện tiềm năng tài nguyên biển; phối hợp tham gia thúc đẩy hình thành cơ chế toàn cầu và khu vực liên quan đến tài nguyên biển và hải đảo.

b) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các đảo, đặc biệt là xã đảo Nhơn Châu.

c) Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển và hải đảo tại tỉnh bảo đảm hiện đại, đồng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, giữa cấp tỉnh với địa phương có biển về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và đảo.

d) Tăng cường năng lực và tổ chức bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp và giải quyết những mâu thuẫn chòng chéo giữa các sở, ban, ngành và địa phương có biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

đ) Xây dựng chính sách đầu tư bền vững cho các nhiệm vụ về quản lý tổng hợp biển và hải đảo và đầu tư phát triển các chương trình, dự án và xây dựng công trình kinh tế trọng điểm; xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển và hải đảo.

e) Phối hợp Bộ ngành Trung ương xây dựng hành lang pháp lý để áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên, môi trường biển như lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác.

2. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, cách mạng công nghệ lần thứ tư, chuyển đổi số, công nghệ số; phát triển các mô hình sử dụng bền vững, tuần hoàn tài nguyên biển, hải đảo để nhân rộng; gắn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với công tác điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

c) Xây dựng chính sách khuyến khích để phát huy tri thức cộng đồng trong phát triển khoa học, công nghệ biển và hải đảo.

3. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

a) Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên và môi trường biển; thực hiện nghiêm túc các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

b) Phối hợp Bộ ngành Trung ương đẩy mạnh việc tiếp xúc, giới thiệu, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, hợp tác đa phương trong việc giải quyết các tranh chấp, xung đột lợi ích liên quan đến tài nguyên và môi trường trên Biển Đông, góp phần xây dựng lòng tin trong cộng đồng các quốc gia có biển và lợi ích liên quan đến biển vì một Biển Đông hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

4. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

a) Các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh đào tạo các chuyên ngành về biển, đặc biệt là chuyên ngành về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tỉnh đầu tư đào tạo hoặc liên kết đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành hiện chưa hoặc ít được đào tạo tại các cơ sở trong tỉnh, từng bước cung ứng đủ nguồn nhân lực cho quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

b) Có cơ chế hỗ trợ, nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

5. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư bao gồm đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đảm bảo nguồn tài chính ổn định và có kế hoạch.

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển, và cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị Trung ương xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế và chính sách trong quản lý môi trường biển, như: lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sử dụng biển, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, cấp phép và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển, đảo, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác. Phối hợp Bộ ngành Trung ương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí trong việc các bên liên quan được hưởng các lợi ích từ khu bảo tồn biển, các quy định hỗ trợ người dân trong khu bảo tồn biển chuyển đổi sinh kế và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc xây dựng, vận hành khu bảo tồn biển.

d) Bố trí mục chi ngân sách hằng năm cho hoạt động bảo vệ môi trường biển; có cơ chế chính sách phù hợp để huy động nguồn xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ môi trường biển đối với các cơ sở du lịch, các tàu cá, các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển,...

6. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo tỉnh

a) Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu; tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu biển và hải đảo theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Đưa dữ liệu thành các thông tin, hỗ trợ ra quyết định trong công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo, hỗ trợ đơn vị, người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm bao gồm Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6); thực hiện Kế hoạch truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển, hải đảo về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất

lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

d) Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển trong tỉnh và nước ta, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Bình Định là cơ quan điều phối, chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch;
- Đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các nhiệm vụ của Kế hoạch, sẽ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp theo quy định để phát huy hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch.

4. Sở Tài chính trình UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác thông tin đối ngoại; theo dõi việc thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế của tỉnh đã ký liên quan đến các dự án hợp tác quốc tế về lĩnh vực biển, hải đảo; thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế về khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; lồng ghép nội dung bảo vệ chủ quyền, quyền chủ

quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển và hải đảo vào các hoạt động đối ngoại về khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố ven biển tham gia bảo vệ môi trường biển, hải đảo; thực hiện ứng phó sự cố môi trường trên biển, hải đảo theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và UBND tỉnh.

7. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên trên khu vực biên giới, vùng biển tỉnh Bình Định; kết hợp với thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biển giới, vùng biển; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phụ trách.

8. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

9. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiện toàn tổ chức bộ máy ở cấp tỉnh và cấp huyện đủ mạnh để đảm bảo quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quản lý ranh giới hành chính của tỉnh trên biển.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, giải pháp thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển, ven đảo để đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

11. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh về biển và hải đảo; đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ định hướng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong bối cảnh các thách thức mới nổi về an ninh môi trường biển và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ khác.

12. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng

mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển theo quy định của cấp có thẩm quyền.

13. Sở Du lịch phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng tại một số địa phương ven biển, đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái tại xã đảo Nhơn Châu.

14. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến đối với các nội dung chủ trì của Bộ ngành Trung ương trong đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm.

15. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phát triển các đô thị xanh ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh cho các đô thị ven biển, hải đảo.

16. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân, kiều bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

17. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

18. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực biển, thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

19. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá thực trạng để đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên biển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo.

20. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai các nội dung liên quan phù hợp với định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

21. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan ngoài các nhiệm vụ cụ thể nêu trên

- Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 12) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý;

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

22. Các cơ quan thông tin đại chúng và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

23. UBND các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn

- Căn cứ Kế hoạch này, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án theo định hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch này trong phạm vi quyền hạn của địa phương;

- Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 12) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về UBND tỉnh xem xét, quyết định./.